

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/HS-ST
Ngày 18-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bé.

Ông Lê Văn Công.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Hà Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Xuân Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1992 tại tỉnh An Giang; căn cước công dân số: 089092011241; nơi thường trú: tổ A, ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Lưu Thị T1; chưa có vợ, con; tiền án: ngày 24/02/2011, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 (mười hai) năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2011/HS-ST ngày 24/02/2011); tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 05/11/2024 đến nay; đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- **Bị hại:** Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1995; nơi thường trú: thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Ông Ngô Duy T2, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Văn T nghiện ma túy, không có việc làm, không có nơi ở cố định. Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên bị cáo T nảy sinh ý định tìm kiếm tài sản sớ hớ của người khác để chiếm đoạt. Khoảng 00 giờ 20 phút ngày 05/11/2024, bị cáo T điều khiển xe mô tô gắn biển số 66H2-0355 đến nhà trọ tại số A khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì thấy phòng trọ số 5 không đóng cửa nên bị cáo T dừng xe bên ngoài và đi vào trong dãy trọ. Bị cáo T nhìn thấy bên trong phòng trọ số 5 không có người và trên bàn gỗ bên phải có 01 điện thoại di động màu đen của ông Phạm Văn Đ nên bị cáo T lấy chiếc điện thoại trên cất giấu vào túi quần bên trái phía trước và điều khiển xe mô tô rời khỏi hiện trường. Sau đó, ông Đ phát hiện bị mất điện thoại nên sử dụng điện thoại khác mở định vị kiểm tra thì phát hiện tín hiệu vị trí của điện thoại bị mất đang di chuyển về hướng ngã tư B nên điều khiển xe mô tô đi theo định vị. Đến khoảng 04 giờ 00 phút cùng ngày, ông Đ phát hiện bị cáo T điều khiển xe mô tô có biểu hiện nghi vấn, trùng khớp tín hiệu định vị điện thoại của ông Đ. Khi đến trước địa chỉ số A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, ông Đ chặn đầu xe mô tô và yêu cầu bị cáo T dừng xe lại. Lúc này, ông Đ gọi vào số thuê bao gắn trong điện thoại bị mất thì có tiếng chuông điện thoại từ trong túi quần của bị cáo T. Do biết hành vi đã bị phát hiện nên bị cáo T đã trả lại điện thoại cho ông Đ. Ông Đ trình báo sự việc đến Công an phường B. Công an phường B chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T để giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V30, dung lượng 512Gb, màu đen; 01(một) xe mô tô kiểu dáng Wave, số loại không xác định, màu xanh, gắn biển số 66H2-0355, số máy: bị mài sâu, số khung: RPKDCH7PKDHD000142.

Tại Kết luận định giá tài sản số 175/KL-HĐĐGTS ngày 12/11/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V30, dung lượng 512 Gb, màu đen trị giá 7.800.000 đồng.

Tại phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 05/11/2024 của Công an phường B xác định bị cáo T dương tính với chất ma túy. Do đó, Trưởng Công an phường B, thành phố T đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo T về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V30, dung lượng 512Gb, màu đen: quá trình điều tra xác định là tài sản của ông Đ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T đã trả lại cho ông Đ. Ông Đ không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với 01 xe mô tô kiểu dáng Wave, số loại không xác định, màu xanh, gắn biển số 66H2-0355: quá trình điều tra, ngày 29/11/2024 Phòng K - Công an tỉnh B ban hành Kết luận giám định số 5634/KL-KTHS (SKSM) xác định: xe mô tô kiểu dáng Wave, số loại: không xác định, gắn biển số 66H2-0355, có số khung: RPKDCH7PKDHD000142 nguyên thủy, không phát hiện dấu vết cắt hàn, đục sửa, số máy bị mài sâu không đọc được. Bị cáo T khai nhận đã mua xe mô tô này

từ một người (không rõ nhân thân, địa chỉ) tại tỉnh Đồng Nai nhưng không làm hợp đồng mua bán xe, không có giấy tờ xe và chưa làm thủ tục sang tên. Qua xác minh thông tin dữ liệu đăng ký xe xác định: biển số 66H2-0355 được cấp cho xe mô tô nhãn hiệu Majesty, màu đỏ trắng, số khung: VTTDCH0A4TT169380, số máy: VTT1P52FMH169380 do Lê Ngọc Đ1, địa chỉ: số H, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T đã tiến hành xác minh nhưng không có kết quả. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T đã thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trên phương tiện thông tin đại chúng.

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKS-TA ngày 22 tháng 01 năm 2025, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương phát biểu như sau: lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Viện Kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo tái phạm. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và xử phạt bị cáo T từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù. Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V30 là tài sản của bị hại Đ nên Cơ quan điều tra trả lại cho ông Đ là có căn cứ; 01 xe mô tô gắn biển số 66H2-0355, quá trình điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc nên cần tiếp tục giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh B (PC01) làm rõ nguồn gốc để xử lý theo quy định. Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

Bị cáo không tự bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét xử mức án nhẹ để bị cáo sớm về làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố T (nay thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh B), Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An; hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố, ban hành quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại Phạm Văn Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt. Người làm chứng ông Ngô Duy T2 vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra, những người này đã có lời khai, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, xét xử vắng mặt ông Đ và ông T2.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng mà Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định: khoảng 00 giờ 20 phút ngày 05/11/2024, tại phòng trọ số 5 thuộc địa chỉ số A khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Văn T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V30, màu đen của bị hại Phạm Văn Đ. Kết luận định giá tài sản xác định điện thoại nêu trên trị giá 7.800.000 đồng.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo từng bị kết án, chưa được xóa án tích nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm”. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo.

[7] Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Trách nhiệm dân sự: bị hại Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Xử lý vật chứng:

01 điện thoại nhãn hiệu Vivo V30 là tài sản bị cáo chiếm đoạt: quá trình điều tra xác định tài sản này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị hại Đ nên Cơ quan điều tra trả lại tài sản này cho bị hại là đúng quy định.

01 (một) xe mô tô gắn biển số 66H2-0355: là phương tiện bị cáo sử dụng để tẩu thoát sau khi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp của xe mô tô này nên Cơ quan điều tra đã thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay vẫn không xác định được ai là chủ sở hữu nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 260; Điều 268; khoản 1 Điều 269; Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

1. Trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2024.

2. Xử lý vật chứng:

Căn cứ quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh B có trách nhiệm chuyển giao 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Wave, số loại không xác định, màu xanh, gắn biển số 66H2-0355, số máy: bị mài phá số, số khung: RPKDCH7PKDH000142 cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này,

Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An;
- Phân trại tạm giam khu vực thành phố Thuận An;
- Người tham gia tố tụng (2);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu: hồ sơ vụ án, THAHS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân